BỘ Y TẾ
CỤC PHÒNG BỆNH

Số: 2237 /PB-QLTC
V/v tăng cường rà soát, đẩy nhanh tiến độ làm sạch dữ liệu tiêm chủng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2026

KHẨN

Kính gửi:
- Đồng chí Viện trưởng các Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur;
- Đồng chí Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố.

Tiếp theo Công văn số 2117/PB-QLTC ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Cục Phòng bệnh gửi các Viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Pasteur và Sở Y tế các tỉnh, thành phố về việc tăng cường rà soát, đẩy nhanh tiến độ làm sạch dữ liệu tiêm chủng quốc gia, Cục Phòng bệnh thông báo tới các đơn vị tiến độ cập nhật hiện tại để đẩy nhanh công tác làm sạch dữ liệu tiêm chủng, cụ thể như sau:

Theo thống kê trên Hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia tính đến ngày 16 tháng 11 năm 2026, toàn quốc đã ghi nhận 1.666.371 đối tượng tạo lập từ ngày 01/7/2025 đến ngày 16/11/2026, trong đó số đối tượng có mã định danh/CCCD đúng định dạng là 1.277.608 đối tượng, hiện còn khoảng 352.136 đối tượng chưa có mã định danh/CCCD (trong số 352.136 đối tượng này, có 122.634 đối tượng đã được các địa phương cập nhật mã định danh/CCCD của bố, mẹ, người giám hộ, còn 229.502 đối tượng chưa được cập nhật).

Kết quả đối soát, xác minh với C06 (Bộ Công an): Hiện nay C06 đã đối soát được 1.244.101 bản ghi đối tượng/tổng số 1.277.608 đối tượng đã có CCCD/mã định danh, trong đó 1.092.499 bản ghi đối tượng đã được C06 đối soát xác minh thông tin hành chính về đối tượng đã chính xác, trùng khớp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và 151.602 đối tượng chưa chính xác, còn sai lệch một số trường thông tin hành chính về đối tượng như giới tính, họ tên, địa chỉ (trong số 151.602 đối tượng này, mới có 19.599 đối tượng được địa phương rà soát cập nhật lại thông tin, còn 132.003 đối tượng chưa được rà soát lại).

Để thực hiện triển khai đẩy nhanh tiến độ làm sạch dữ liệu tiêm chủng, Cục Phòng bệnh đề nghị Thủ trưởng các đơn vị tiếp tục chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nội dung sau:

1. Sở Y tế các tỉnh, thành phố chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trạm Y tế, các cơ sở tiêm chủng trên địa bàn thực hiện các nội dung sau:

- Rà soát, cập nhật thông tin 352.136 đối tượng tiêm chủng chưa có mã định danh/CCCD hoặc có thông tin hành chính chưa chính xác; bổ sung đầy đủ, chính xác thông tin CCCD/mã định danh của bố, mẹ hoặc người giám hộ của các đối tượng trẻ em chưa được cấp mã định danh/CCCD (229.502 đối tượng chưa được cập nhật).

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (PC06) Công an tỉnh, thành phố và Công an cấp xã để rà soát, đối chiếu thông tin hành chính (họ tên, ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú) đối với 132.003 đối tượng chưa được rà soát lại sau khi được C06 trả kết quả xác minh thông tin chưa chính xác.

2. Hiện nay Hệ thống Công cụ làm sạch dữ liệu tiêm chủng (truy cập tại địa chỉ: https://tiemchungsso.vncdc.gov.vn) đã được Cục Phòng bệnh phối hợp với các đơn vị liên quan cập nhật, nâng cấp chức năng đối soát dữ liệu tiêm chủng với dữ liệu bà mẹ, trẻ em. Chức năng này cho phép đối soát tự động, so sánh và gợi ý các cặp đối tượng trùng khớp giữa dữ liệu tiêm chủng và cơ sở dữ liệu bà mẹ trẻ em đã được xác thực (dựa trên các tiêu chí: mã định danh/CCCD, họ và tên, ngày sinh, giới tính, tên mẹ, địa chỉ thường trú). Đề nghị Sở Y tế chỉ đạo các cơ sở tiêm chủng và cán bộ chuyên trách truy cập hệ thống, khai thác danh sách gợi ý cặp đối tượng trùng khớp thuộc địa bàn quản lý *(Hướng dẫn sử dụng công cụ làm sạch dữ liệu gửi kèm Công văn này).*

3. Các Viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Pasteur tiếp tục tăng cường công tác đôn đốc, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho các tỉnh, thành phố thuộc vùng địa bàn phụ trách; theo dõi sát tiến độ rà soát và tỷ lệ làm sạch dữ liệu hàng tuần của các địa phương để kịp thời tháo gỡ vướng mắc.

Thông tin chi tiết liên hệ ThS. BS. Phạm Duy Thanh, Phòng Quản lý tiêm chủng quốc gia, Cục Phòng bệnh, số điện thoại: 097.116.7997.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT. Thường trực Vũ Mạnh Hà (để báo cáo);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để báo cáo);
- TT. Nguyễn Thị Liên Hương (để báo cáo);
- CT. Hoàng Minh Đức (để báo cáo);
- PCT. Dương Chí Nam;
- Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06);
- Văn phòng UBND các tỉnh, thành phố;
- TT. KSBT các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, QLTC.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC PHÒNG BỆNH

Vũ Hải Sơn

BỘ Y TẾ
CỤC PHÒNG BỆNH
Đơn vị: Cục y tế dự phòng

BÁO CÁO TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ LÀM SẠCH DỮ LIỆU TIÊM CHỦNG
, ngày 17 tháng 11 năm 2026

STT	Địa Phương	Tổng số	Đúng định dạng mã định danh/CCCD	Chưa có/Chưa đúng định dạng mã định danh/CCCD			Ngừng theo dõi	Xác minh đúng	Xác minh chưa đúng			Đang chờ làm sạch	Tỷ lệ rà soát	Tỷ lệ làm sạch
				Tổng	Đúng mã định danh/CCCD bố/mẹ/người giám hộ	Không có mã định danh/CCCD bố/mẹ/người giám hộ			Tổng	Đã được rà soát lại	Chưa được rà soát lại			
TỔNG	**TOÀN QUỐC**	**1.666.371**	**1.277.608**	**352.136**	**122.634**	**229.502**	**36.627**	**1.092.499**	**151.602**	**19.599**	**132.003**	**33.507**	**79%**	**67%**
1	An Giang	59.517	40.956	16.323	4.055	12.268	2.238	32.973	4.142	405	3.737	3.841	72%	58%
2	Bắc Ninh	58.088	49.670	7.538	4.420	3.118	880	43.807	5.254	1.196	4.058	609	87%	77%
3	Cao Bằng	8.419	7.030	1.307	809	498	82	5.615	899	121	778	516	84%	67%
4	Cà Mau	30.771	19.684	10.180	2.376	7.804	907	15.138	3.148	348	2.800	1.398	66%	51%
5	Cần Thơ	52.978	29.810	21.650	3.170	18.480	1.518	24.814	4.334	199	4.135	662	58%	48%
6	Gia Lai	61.031	47.159	12.932	6.422	6.510	940	40.768	6.272	725	5.547	119	78%	68%
7	Hà Nội	144.886	103.486	37.984	11.484	26.500	3.416	91.339	11.954	894	11.060	193	73%	65%
8	Hà Tĩnh	26.142	21.219	4.045	1.935	2.110	878	17.604	2.837	130	2.707	778	84%	70%
9	Hưng Yên	49.353	38.333	9.870	2.141	7.729	1.150	33.066	5.234	184	5.050	33	80%	69%
10	Hải Phòng	61.111	50.241	9.037	3.180	5.857	1.833	41.303	6.548	2.117	4.431	2.390	85%	70%
11	Khánh Hòa	35.479	26.355	8.629	1.447	7.182	495	21.093	4.307	337	3.970	955	75%	60%
12	Lai Châu	11.366	8.846	2.238	1.181	1.057	282	6.763	1.795	281	1.514	288	80%	61%
13	Lào Cai	31.542	24.179	6.928	2.003	4.925	435	18.714	5.421	179	5.242	44	78%	60%
14	Lâm Đồng	65.543	50.282	14.499	4.701	9.798	762	43.027	7.336	681	6.655	-81	78%	66%
15	Lạng Sơn	12.079	9.620	2.138	956	1.182	321	8.066	1.227	513	714	327	82%	69%
16	Nghệ An	65.246	54.128	9.775	6.002	3.773	1.343	45.672	7.535	1.256	6.279	921	85%	71%
17	Ninh Bình	62.063	52.305	8.051	4.822	3.229	707	47.577	3.989	596	3.393	739	87%	79%
18	Phú Thọ	60.330	52.384	7.345	3.947	3.398	601	45.867	5.019	1.553	3.466	1.498	88%	77%
19	Quảng Ngãi	36.044	28.986	6.052	2.382	3.670	1.006	22.363	5.349	577	4.772	1.274	83%	64%
20	Quảng Ninh	21.783	17.970	3.566	1.773	1.793	247	16.207	1.463	281	1.182	300	83%	75%
21	Quảng Trị	30.333	23.922	5.623	2.558	3.065	788	20.052	3.053	545	2.508	817	81%	68%
22	Sơn La	27.119	20.975	5.813	2.976	2.837	331	16.376	3.700	510	3.190	899	78%	61%
23	Thanh Hóa	62.897	54.387	8.001	4.515	3.486	509	47.746	5.352	1.095	4.257	1.289	87%	77%
24	Thành phố Huế	21.181	15.582	5.457	2.249	3.208	142	13.697	1.606	174	1.432	279	74%	65%
25	Thành phố Hồ Chí Minh	173.507	121.313	48.184	11.817	36.337	4.040	109.463	10.416	827	9.589	1.434	72%	65%
26	Thái Nguyên	25.750	21.445	4.026	2.787	1.239	279	18.812	2.198	202	1.996	435	84%	74%
27	Tuyên Quang	35.454	26.573	8.054	3.283	4.771	827	20.498	5.224	453	4.771	851	77%	59%
28	Tây Ninh	44.213	34.968	8.558	4.009	4.549	687	31.132	2.446	321	2.125	1.390	80%	72%
29	Vĩnh Long	45.486	37.131	5.662	3.143	2.519	2.693	31.400	1.981	295	1.686	3.750	87%	73%
30	Điện Biên	16.479	14.051	2.065	935	1.130	363	11.299	2.257	455	1.802	495	87%	70%
31	Đà Nẵng	47.770	35.635	11.060	3.470	7.590	1.075	31.025	3.594	471	3.123	1.016	76%	66%
32	Đắk Lắk	57.443	45.085	12.180	3.530	8.650	178	38.913	7.057	615	6.442	-885	79%	68%
33	Đồng Nai	75.213	56.500	16.872	5.590	11.282	1.841	49.113	5.376	850	4.526	2.011	77%	67%
34	Đồng Tháp	49.755	37.398	10.524	2.566	7.958	1.833	31.197	3.279	213	3.066	2.922	78%	65%

admin_cuc_17/11/2026 08:05:36